TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N2** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 505/2024/QĐST-HNGĐ	

G, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 491/2024/TLST/HNGĐ, ngày 22/11/2024, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1982**

Đăng kí hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố H

Bị đơn: **Chị Trần Thị N1, sinh năm: 1982**

Đăng kí hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố H

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị N1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị N1 có có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 14/12/2006, cháu Nguyễn Tiến N2, sinh ngày 05/3/2010. Anh chị không còn con chung nào khác. Hai anh chị thống nhất để anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị N1 sẽ cấp dưỡng nuôi con là 03 triệu đồng/tháng/02 con chung kể từ tháng 11/2024 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị N1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện chịu cả 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 00065635 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh H1 không phải nộp thêm án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.**

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện G
- TAND TP H
- VKSND TP. H
- THADS huyện G
- UBND xã L, huyện G, thành phố H (ĐKKH số 10, ngày 21/01/2005)
- Lưu: hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung